TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29-3-2024
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Hiền

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hậu.
2. Bà Phan Thị Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Lan H, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 500/2023/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 về "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà 18/2024/QĐST – HMGĐ ngày 19/3/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Phương D, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ F, khu phố S, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Công Đ, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ F, khu phố S, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Bà Lê Thị Phương D và ông Nguyễn Công Đ chung sống và kết hôn từ năm 2008, bà D, ông Đ có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T (nay là phường H, thị xã P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Giấy chứng nhận kết hôn số 146, quyển số 01 ngày 22/12/2008.

Vợ chồng ông bà chung sống được khoảng 10 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do ông Đ không chịu đi làm để lo cho gia đình mà thường xuyên rượu chè, quậy phá, chửi bới vợ con. Bà D đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông Đ không nghe, nên bà D đã bỏ nhà đi thuê phòng trọ ở gần 04 tháng nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục

đích hôn nhân không đạt, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Công Đ.

Về con chung: Bà Lê Thị Phương D và ông Nguyễn Công Đ 04 con chung là Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 09/4/2009; Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 05/11/2010; Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 15/7/2012 và Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 30/11/2016. Bà D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 09/4/2009; Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 05/11/2010 cho đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 15/7/2012 và Nguyễn Thị Phương T2, sinh ngày 30/11/2016 cho ông Nguyễn Công Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng ông Nguyễn Công Đ trình bày: Ông Nguyễn Công Đ và bà Lê Thị Phương D chung sống với nhau từ năm 2008, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Ông bà có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại UNND xã H, huyện T (nay là là thị xã P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 148, ngày 22/12/2008. Quá trình chung sống, ông bà có 04 người chung là Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 09/4/2009; Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 05/11/2010; Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 15/7/2012 và Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 30/11/2016.

Nay trước yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Phương D, Ông Đ xác nhận giữa ông và bà D không có mâu thuẫn gì lớn. Năm vừa qua do ông Đ không xin được việc làm, khó khăn về kinh tế nên đôi khi ông có hơi nóng tính lớn tiếng với bà D trong một số việc, nên bà D đã tự ý dắt 02 con lớn bỏ nhà đi thuê phòng trọ ở riêng gần 03 tháng nay. Ngoài ra ông không đánh đập hay chởi bới gì bà D. Từ khi bà D bỏ đi đến nay ông đã rất nhiều lần đến phòng trọ để năn nỉ bà D quay về nhưng bà D không đồng ý. Ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau chăm sóc con cái, ông không đồng ý ly hôn với bà D.

Về con chung: Ông đồng ý giao 02 con lớn là Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 09/4/2009; Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 05/11/2010 cho bà D chăm sóc nuôi dưỡng, Còn 02 con nhỏ là Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 15/7/2012 và Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 30/11/2016 ông sẽ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung và nợ chung: ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà Lê Thị Phương D và ông Nguyễn Công Đ 04 con chung là Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 09/4/2009; Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 05/11/2010; Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 15/7/2012 và Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 30/11/2016. Bà D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 09/4/2009; Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 05/11/2010 cho đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 15/7/2012 và Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 30/11/2016 cho ông Nguyễn Công Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Ông Đ cũng đồng ý việc nuôi con chung theo yêu cầu của bà D nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 09/4/2009; Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 05/11/2010 cho bà Lê Thị Phương D và giao Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 15/7/2012 và Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 30/11/2016 cho ông Nguyễn Công Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Đ và bà D đều không yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc bà D phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn đang cư trú tại thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung". Toà án đã tống đạt hợp lệ Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên toà cho ông Nguyễn Công Đ nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, bà Lê Thị Phương D và ông Nguyễn Công Đ tiến tới hôn nhân chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Bà D, ông Đ có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T (nay là phường H,thị xã P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Giấy chứng nhận kết hôn số 146, quyển số 01 ngày 22/12/2008. Do vậy,

Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa D và ông Đ là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình hoà giải tại Toà, bà D xác định không còn tình cảm với ông Đ nữa. Cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống nên dẫn đến thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, bà D cho rằng ông Đ thường xuyên rượu chè, không lo làm ăn . Bà D xác định bà D và ông Đ đã tự sống ly thân gần 04 tháng nay. Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để vợ chồng bà D, ông Đ đoàn tụ, ông Đ mặc dù không đồng ý ly hôn, nhưng ông Đ đều vắng mặt tại các buổi hoà giải không có lý do, điều này chứng tỏ ông Đ không có thiện chí hòa giải. Riêng bà D vẫn cương quyết và có nguyện vọng được ly hôn với ông Đ, bà D không đồng ý đoàn tụ với ông Đ. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng bà D, ông Đ đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà D với ông Đ.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Lê Thị Phương D và ông Nguyễn Công Đ có 04 con chung là Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 09/4/2009; Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 05/11/2010; Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 15/7/2012 và Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 30/11/2016. Bà D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 09/4/2009; Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 05/11/2010 cho đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 15/7/2012 và Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 30/11/2016 cho ông Nguyễn Công Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng của cháu T và L muốn được ở với mẹ, cháu Đ1 và T1 muốn ở với ba và ông Đ cũng đồng ý với yêu cầu nuôi con chung của bà D. Vì thế giao con chung là Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 09/4/2009; Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 05/11/2010 cho bà D được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Giao con chung là Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 15/7/2012 và Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 30/11/2016 cho ông Nguyễn Công Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Phương D. Bà Lê Thị Phương D được ly hôn với ông Nguyễn Công Đ.

2.Về con chung: Bà Lê Thị Phương D và ông Nguyễn Công Đ có 04 con chung là Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 09/4/2009; Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 05/11/2010; Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 15/7/2012 và Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 30/11/2016.

Giao con chung là Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 09/4/2009; Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 05/11/2010 cho bà Lê Thị Phương D được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi);

Giao con chung là Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 15/7/2012 và Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 30/11/2016 cho ông Nguyễn Công Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Công Đ, bà Lê Thị Phương D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị Phương D không yêu cầu Toà án giải quyết

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Phương D không yêu cầu Tòa án giải quyết

5. Về án phí hôn nhân gia đình: Bà Lê Thị Phương D phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002897 ngày 21/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ. Như vậy bà D đã nộp xong án phí .

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TX Phú Mỹ;
- Chi cục THADS TX Phú Mỹ;
- NĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Văn Thị Hiền